

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10- HÀ NỘI
Số: 468/2026/QĐST- HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
Thạch Thất, ngày 13 tháng 7 năm

2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 397, 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 448/2026/TLST- VHNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Chị **Tạ Thị Bích N**, sinh ngày 01/9/1997.

CCCD số 001197007111 do **Cục C1** về TTXH cấp ngày 28/02/2023.

Địa chỉ: **Thôn T, B, xã H, thành phố Hà Nội.**

Anh **Đào Xuân D**, sinh ngày 26/8/1997.

CCCD số 001097010150 do **Cục C1** về TTXH cấp ngày 22/11/2021.

Địa chỉ: **Thôn T, B, xã H, thành phố Hà Nội.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Tạ Thị Bích N** và anh **Đào Xuân D** kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **B, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã H, thành phố Hà Nội)** vào ngày 19/02/2019. Chị **N** và anh **D** kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn và đảm bảo về thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị **N** và anh **D** được xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị **N** và anh **D** chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2025, thì xảy ra mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong việc nuôi dạy con cái. Tháng 8 năm 2025, vợ chồng sống ly thân,

tình cảm không hàn gắn được. Nay chị **N** và anh **D** đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể tồn tại, mục đích của hôn nhân không thể đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Do vậy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị **N**, anh **D** là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2]. *Về con chung*: Chị **Tạ Thị Bích N** và anh **Đào Xuân D** có 02 con chung là cháu **Đào Gia H**, sinh ngày 12/8/2019 và cháu **Đào Gia B**, sinh ngày 25/9/2024. Chị **N** và anh **D** thỏa thuận giao cháu **Đào Gia H** cho chị **Tạ Thị Bích N** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu **Đào Gia B** cho anh **Đào Xuân D** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay đổi.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị **C Tạ Thị Bích N** và anh **Đào Xuân D** cho đến khi có quyết định khác thay đổi.

Việc thỏa thuận của anh, chị là phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Hai bên đều xác định không có nên Tòa án không xem xét.

[4]. *Về lệ phí*: Chị **Tạ Thị Bích N** và anh **Đào Xuân D** mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa **Tạ Thị Bích N** và anh **Đào Xuân D**.

+ Về con chung: Chị **Tạ Thị Bích N** và anh **Đào Xuân D** có 02 con chung là cháu **Đào Gia H**, sinh ngày 12/8/2019 và cháu **Đào Gia B**, sinh ngày 25/9/2024. Giao cháu **Đào Gia H** cho chị **Tạ Thị Bích N** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu **Đào Gia B** cho anh **Đào Xuân D** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay đổi.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị **Tạ Thị Bích N** và anh **Đào Xuân D** cho đến khi có quyết định khác thay đổi.

Chị **Tạ Thị Bích N** và anh **Đào Xuân D** có quyền, nghĩa thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Tạ Thị Bích N** và anh **Đào Xuân D** đều xác định không có.

+ Về lệ phí: Chị **Tạ Thị Bích N** và anh **Đào Xuân D** mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000205 ngày 02/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND khu vực 10 - Hà Nội;
- Thi hành án dân sự Hà Nội;
- UBND xã Hạ Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc;

Thủy

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu